TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05**/2024/DS-ST
Ngày: 09/4/2024
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*: Bà Hồ Thị Xuân Hương.
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Nguyễn Thị Hoài Như và ông Trần Đình Khương;
- *Thư ký phiên toà*: Bà Nguyễn Xuân Thuý Anh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đông Hà.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà tham gia phiên toà*: Bà Hoàng Thị Khánh Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 170/2023/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2023 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/QĐST- DS ngày 21 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Công ty TNHH S; địa chỉ trụ sở chính: Số A đường N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1991, chức vụ: Nhân viên Công ty TNHH S (*Văn bản uỷ quyền 04-06/2023/UQ-SVN ngày 01/01/2023*), bà N có mặt.

2. *Bị đơn*: Bà Lê Thị Bích P; địa chỉ: Khu phố Đ, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 30/10/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Vào ngày 01/09/2020, bà Lê Thị Bích P và Công ty TNHH S – Chi nhánh Đ ký hợp đồng số: DHM200901002NA18X về việc: Bà P cầm cố tài sản là: 01 xe môtô hai bánh hiệu: Y; màu: Đen; biển kiểm soát: 74B1-179.51; Số khung: RLCSEC810HY045429; số máy: E3X8E045438; Số Giấy chứng nhận đăng ký xe môtô số 045334 do Công an tỉnh Q cấp ngày 20/07/2020 mang tên Lê Thị Bích P để vay số tiền: **10.700.000** đồng; thời hạn 12 tháng (từ 01/09/2020 - 01/09/2021); mục đích

vay phục vụ tiêu dùng cá nhân; mức lãi suất là 1,1%/ tháng trên dư nợ thực tế, tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền; thanh toán nợ gốc, nợ lãi theo kỳ hàng tháng, mỗi tháng thanh toán 1,214,050 đồng vào ngày 01 hàng tháng, kể từ tháng 10/2020 đến 01/9/2021. Bên vay cam kết, nếu không thanh toán theo đúng thời hạn nói trên, quá hạn thì ngoài số tiền thanh toán theo thoả thuận tại hợp đồng, bên vay còn phải thanh toán phí trả chậm tương đương 150% lãi suất quy định và phí quản lý hồ sơ. Bà P đã nhận đủ số tiền **10.700.000** đồng.

Đồng thời, cùng ngày 01/9/2020, bà Lê Thị Bích P ký giấy mượn lại chiếc xe trên để sử dụng. Thời hạn mượn xe từ ngày 01/09/2020 đến 01/10/2020, địa điểm trả xe là tại Công ty TNHH S - Chi nhánh Đ 01và cam kết trong giấy mượn xe: "Hoàn trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận". Hiện tại, xe mô tô Yamaha Janus, biển kiểm soát: 74B1-179.51 đang do bà Lê Thị Bích P quản lý sử dụng; Giấy chứng nhận đăng ký xe môtô số 045334 do Công an tỉnh Q cấp ngày 20/07/2020 mang tên Lê Thị Bích P do Công ty TNHH S quản lý. Hiện nay, xe mô tô do bà P quản lý, sử dụng; giấy chứng nhận đăng ký xe môtô số 045334 do Công ty TNHH S quản lý.

Quá trình thực hiện hợp đồng từ ngày 30/9/2020 đến 03/01/2021, bà Lê Thị Bích P đã thanh toán cho Công ty C kỳ, với tổng số tiền: **3.698.000** đồng, bao gồm: nợ gốc: 2.109.046 đồng, nợ lãi: 330.670 đồng; tiền phí: 1.202.433 đồng, lãi quá hạn: 53.335 đồng. Từ đó đến nay bà Lê Thị Bích P không trả nợ cho Công ty và cũng không trả lại xe mô tô cho Công ty. Hợp đồng đã quá hạn. Nhân viên của Công ty đã nhiều lần liên hệ qua điện thoại và đến nhà bà Lê Thị Bích P tại địa chỉ: khu phố Đ, phường Đ, thành phố Đ nhưng đều không gặp. Công ty đã tạo rất nhiều điều kiện về thời gian để bà Lê Thị Bích P trả lại tiền hoặc tài sản là xe mô tô cho Công ty, nhưng bà P không thực hiện và có biểu hiện trốn tránh.

Nay, Công ty TNHH S yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc bà Lê Thị Bích P1 thực hiện nghĩa vụ trả lại cho Công ty TNHH S chiếc xe môtô hai bánh biển số: 74B1-179.51; loại xe: Yamaha Janus; số khung: RLCSEC810HY045429; số máy: E3X8E045438, theo Hợp đồng cầm cố số DHM200901002NA18X ngày 01/09/2020, kèm giấy mượn xe đã ký với Chi nhánh Đ 01 - Công ty TNHH S.

2. Buộc bà Lê Thị Bích P thanh toán cho Công ty TNHH S số tiền **24.310.000 đồng** (*Hai mươi bốn triệu ba trăm mười nghìn đồng chẵn*) tính đến ngày 07/11/2023, bao gồm:

+ Tiền gốc: 8.590.953,74 đồng;

+ Lãi suất trong hạn: 501.219,96 đồng (1.1%/tháng);

+ Phí: 1.831.762,45 đồng (4%/tháng);

+ Phí trễ hạn: 13.385.064 đồng.

Ngoài ra, bà Lê Thị Bích P còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký từ ngày 08/11/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ.

3. Trường hợp thực hiện hoặc không thực hiện đầy đủ thì Công ty TNHH S có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản cầm cố là chiếc xe môtô hai bánh biển số: 74B1-179.51; loại xe: Yamaha Janus; số khung: RLCSEC810HY045429; số máy: E3X8E045438, theo Hợp đồng cầm cố số DHM200901002NA18X ngày 01/09/2020, kèm giấy mượn xe đã ký với Chi nhánh Đ 01 - Công ty TNHH S.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau:

+ Công ty TNHH S yêu cầu Toà án giải quyết: Buộc bà Lê Thị Bích P thanh toán cho Công ty TNHH S số tiền **14.233.000** đồng (*Mười bốn triệu hai trăm ba mươi ba nghìn đồng chẵn*), trong đó: nợ gốc: 8.590.953 đồng; nợ lãi trong hạn: 3.761.119,50 đồng (Số tiền gốc x 1,1% : 30 x 1.194); tiền lãi quá hạn: 1.880.559,55 đồng (Số tiền gốc x 0,55% : 30 x 1.194), tính từ ngày 02/01/2021 đến 09/4/2024.

Bà Lê Thị Bích P còn phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký tính từ ngày 10/4/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ.

+ Rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với: Khoản tiền phí thẩm định tài sản; buộc bà Lê Thị Bích P phải trả lại chiếc xe mô tô hai bánh biển số: 74B1-179.51; loại xe: Yamaha Janus và không yêu cầu xử lý tài sản cầm cố trong trường hợp bà P không thực hiện hoặc không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH S.

Toà án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn, nhưng bà Lê Thị Bích P không trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không tham gia hoà giải, phiên toà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà phát biểu: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đảm bảo về trình tự thủ tục tố tụng theo quy định; tại phiên Tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự; người tham gia tố tụng nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Lê Thị Bích P không chấp hành đúng các quy định của pháp luật, Toà án đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án tham gia phiên tòa nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bà Lê Thị Bích P.

Về quan hệ tranh chấp: Trong quá trình thụ lý vụ án, Tòa án xác định là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Đối với việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 309; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Lê Thị Bích P có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH S số tiền **14.233.000** đồng. Trong đó: nợ gốc: 8.590.953 đồng; nợ lãi trong hạn: nợ lãi: 3.761.119,50 đồng; tiền lãi quá hạn: 1.880.559,55 đồng và bà Lê Thị Bích P còn phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký tính từ ngày 10/4/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Khi bà P đã trả đủ số tiền, Công ty TNHH S có nghĩa vụ trả lại Giấy chứng nhận đăng ký xe môtô số 045334 do Công an tỉnh Q cấp ngày 20/07/2020 cho bà Lê Thị Bích P.

Căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện: Buộc bà Lê Thị Bích P thanh toán tiền phí quản lý tài sản, trả chiếc xe mô tô và xử lý tài sản cầm cố.

Bà Lê Thị Bích P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về thủ tục tố tụng**:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Xuất phát từ hợp đồng vay tài sản, các bên đã ký kết hợp đồng cầm cố nhằm đảm bảo nghĩa vụ trả nợ. Do đó, cần xác định lại quan hệ tranh là: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Bị đơn đã được cấp, tống đạt hợp lệ quyết định, giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần 02 nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] **Về nội dung**: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn thay đổi yêu cầu yêu cầu khởi kiện: Buộc bà Lê Thị Bích P có nghĩa vụ phải thanh toán cho Công ty TNHH S cả gốc lẫn lãi khoản tiền vay thông qua hợp đồng cầm cố tài sản số: DHM200901002NA18X ngày 01/09/2020, giữa: bà Lê Thị Bích P với Công ty TNHH S – Chi nhánh Đ, tính đến ngày 09/4/2024 là: **14.233.000** (*Mười bốn triệu hai trăm ba mươi ba nghìn*) đồng. Trong đó: nợ gốc: 8.590.953 đồng; nợ lãi trong hạn: nợ lãi: 3.761.119,50 đồng (Số tiền gốc x 1,1% : 30 x 1.194); tiền lãi quá hạn: 1.880.559,55 đồng (Số tiền gốc x 0,55% : 30 x 1.194) đồng và bà Lê Thị Bích P còn phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký tính từ ngày 10/4/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ. Việc thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện.

Xem xét hợp đồng cầm cố tài sản số: DHM200901002NA18X ngày 01/09/2020, giữa: bà Lê Thị Bích P với Công ty TNHH S – Chi nhánh Đ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyên đơn và bị đơn đã ký kết hợp đồng cầm cố tài sản số: DHM200901002NA18X nhằm mục đích vay tiền. Theo đó, bà P đã cầm cố tài sản là: 01 xe môtô hiệu Yamaha Janus; màu: Đen; biển kiểm soát: 74B1-179.51; Số Giấy chứng nhận đăng ký xe môtô số 045334 do Công an tỉnh Q cấp ngày 20/07/2020 để vay số tiền là 10.700.000 đồng; thời hạn vay là 12 tháng (từ 01/09/2020 - 01/09/2021), với mức lãi suất là 1,1%/ tháng trên

dư nợ thực tế, tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền; thanh toán nợ gốc, nợ lãi theo kỳ hàng tháng, mỗi tháng thanh toán 1,214,050 đồng vào ngày 01 hàng tháng, kể từ tháng 10/2020 đến 01/9/2021. Hợp đồng cầm cố tài sản số: DHM200901002NA18X ký giữa bà Lê Thị Bích P với Công ty TNHH S - Chi nhánh Đ 01 vào ngày 01/09/2020 là sự tự nguyện thỏa thuận, đảm bảo về mặt chủ thể, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay bị ép buộc nên đây là hợp đồng hợp pháp phù hợp với quy định với Điều 309 Bộ luật Dân sự năm 2015, đã phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Cùng ngày, Công ty TNHH S đã chuyển **10.700.000** đồng vào tài khoản số 54010000572958 mở tại Ngân hàng Đ1 tên bà Lê Thị Bích P. Quá trình thực hiện hợp đồng bà P đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên Công ty TNHH S khởi kiện yêu cầu bà P phải trả số tiền nợ gốc: **8.590.953** (*Tám triệu năm trăm chín mươi nghìn chín trăm năm mươi ba*) đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

[2.2] Xem xét về yêu cầu tính lãi: Công ty TNHH S có đăng ký kinh doanh dịch vụ cầm đồ, nên việc tính lãi đối với số tiền dư nợ gốc theo đúng quy định của pháp luật. Theo nội dung tại hợp đồng cầm cố tài sản số: DHM200901002NA18X ngày 01/09/2020, thoả thuận thời hạn vay 12 tháng, mức lãi suất là 1,1%/ tháng trên dư nợ thực tế, tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Thoả thuận trên là phù hợp Điều 468 Bộ luật Dân sự và khoản 6 Điều 29 Nghị định 96/2016/NĐ-CP01/7/2016 của Chính phủ; điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP01/10/2029 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Ngày 04/01/2021, bà P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ hàng tháng. Do đó, khoản nợ gốc 8.590.953 đồng đã chuyển thành quá hạn và phải chịu lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Tổng số thời gian quá hạn (từ 04/01/2021 đến 09/4/2024) là 03 năm 03 tháng 08 ngày. Nguyên đơn yêu cầu bà P phải trả số tiền lãi là: 8.590.953 đồng x 1,1%/tháng x 03 năm 03 tháng 08 ngày = 3.761.119,50 đồng và tiền lãi quá hạn: 8.590.953 đồng x 0,55%/tháng x 03 năm 03 tháng 08 ngày = 1.880.559,55 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

Từ các mục [2.1] và [2.2], Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện: Buộc bà Lê Thị Bích P có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH S số tiền là: **14.233.000** (*Mười bốn triệu hai trăm ba mươi ba*) đồng. Trong đó: nợ gốc: 8.590.953 đồng; nợ lãi trong hạn: nợ lãi: 3.761.119,50 đồng và tiền lãi quá hạn: 1.880.559,55 đồng (*Lãi suất tính từ ngày 02/01/2021 đến 09/4/2024*) và bà Lê Thị Bích P còn phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký tính từ ngày 10/4/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Công ty TNHH S có trách nhiệm giao trả lại Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, gắn máy số 045334 do Công an tỉnh Q cấp ngày 20/07/2020 cho bà Lê Thị Bích P ngay sau khi bà P thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

[2.3] Tại phiên toà, nguyên đơn tự nguyện xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà Lê Thị Bích P phải thanh toán khoản tiền phí thẩm định tài sản; giao trả lại chiếc xe Yamaha Janus mang biển kiểm soát: 74B1-179.51; số khung: RLCSEC810HY045429; số máy: E3X8E045438, cầm cố mà phía bị đơn đã mượn lại của Công ty TNHH S1 và yêu cầu xử lý tài sản cầm cố. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận, căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117; Điều 309; Điều 463; Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH S: Buộc bà Lê Thị Bích P có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH S số tiền: **14.233.000** (*Mười bốn triệu hai trăm ba mươi ba*) đồng. Trong đó: nợ gốc: 8.590.953 đồng; nợ lãi trong hạn: nợ lãi: 3.761.119,50 đồng và tiền lãi quá hạn: 1.880.559,55 đồng và bà Lê Thị Bích P còn phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo hợp đồng cầm cố tài sản số: DHM200901002NA18X đã ký kết ngày 01/09/2020, kể từ ngày 10/4/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Khi bà P đã trả đủ số tiền, Công ty TNHH S có nghĩa vụ trả lại Giấy chứng nhận đăng ký xe môtô số 045334 do Công an tỉnh Q cấp ngày 20/07/2020 cho bà Lê Thị Bích P.

Căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện: Buộc bà Lê Thị Bích P trả số tiền phí thẩm định tài sản, chiếc xe mô tô chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Janus; biển số: 74B1-179.51và xử lý tài sản cầm cố.

2. Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016 /UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

2.1. Buộc bà Lê Thị Bích P phải chịu 711.650 đồng (*Bảy trăm mười một nghìn sáu trăm năm mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Hoàn trả cho Công ty TNHH S số tiền 607.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000101 ngày 13/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND TP. Đông Hà;
- Chi cục THADS TP. Đông Hà;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hồ Thị Xuân Hương